

Bản án số: **65/2019/HNGĐ - ST**
Ngày: 30 - 10 - 2019.
V/v “Ly hôn, trẢnh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU TỈNH NGHỆ A**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Kỳ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Phương

Ông Trần Lộc

- Thư ký phiên Tòa: Ông Phạm Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu – Nghệ A.

- Đại diện VKS nhân dân huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ A tham gia phiên tòa: Ông Lê Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại hội trường Tòa án huyện Diễn Châu, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 137/2019/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn, trẢnh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thành A, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Xóm B, xã DT, huyện DC, tỉnh Nghệ A.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 23/10/2019)

Bị đơn: Chị Võ Thị T, sinh năm 1981. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm B, xã DT, huyện DC tỉnh Nghệ A.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 14/08/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Anh Nguyễn Thành A trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thành A và chị Võ Thị T tổ chức đám cưới với nhau vào ngày 02/11/2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới anh A và chị T chung sống hạnh phúc và có 2 con chung. Đến giữa năm 2005 giữa anh A và

chị T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh A và chị T mâu thuẫn là do tính tình không hợp, cuộc sống chung thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, chị T bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống một thời gian. anh A cố gắng níu kéo chị T về sống chung để mong giữ gìn được hạnh phúc gia đình nhưng sau một thời gian chị T vẫn không thay đổi. Đến năm 2017 thì chị T bỏ về nhà bố mẹ để đi đến nay không quay về. Nhận thấy cuộc hôn nhân không thể cứu vãn được, nay anh Nguyễn Thành A đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Võ Thị T.

Về con chung: Quá trình chung sống anh A và chị T có hai con chung là Nguyễn Thành T, sinh ngày 24/10/2001 và Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 25/09/2006. Hiện nay hai con chung đang ở với anh A. Ly hôn anh A đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14/08/2019 bị đơn chị Võ Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Võ Thị T thống nhất việc anh Nguyễn Thành A và chị Võ Thị T chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn từ năm 2000 như anh A trình bày ở trên là đúng. Thời gian đầu chị T và anh A chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T và anh A mất tình cảm và sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay anh Nguyễn Thành A yêu cầu không công nhận vợ chồng thì chị T đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của anh A.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh A có hai con chung như anh A trình bày ở trên là đúng. Chị Võ Thị T có nguyện vọng xin được nuôi con thứ 2 là Nguyễn Thị Như Q sinh ngày 25 tháng 09 năm 2006.

- Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Võ Thị T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án nhưng do phải đi làm xa không có mặt tham gia phiên tòa. Chị T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Nguyễn Thị Như Q: Cháu Q có nguyện vọng được ở với bố là anh Nguyễn Thành A.

Xác minh của Tòa án tại UBND xã DT và UBND xã DB (nguyên quán của chị Võ Thị T): Anh Nguyễn Thành A và chị Võ Thị T chung sống với nhau như vợ chồng. Trong sổ theo dõi đăng ký kết hôn còn được lưu trữ tại UBND xã anh Võ Thành A và chị Nguyễn Thị không có đăng ký kết hôn với nhau và giữa anh A và chị T không có đăng ký kết hôn với ai khác.

- *Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử: Thẩm phán, Thư ký tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Các đương sự chấp hành đầu đủ các quy định của BLTTDS.

-Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đại diện VKS đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS. Điều 14,15, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy bA thường vụ quốc hội về án phí lệ phí tòa án.

Đề nghị HĐXX xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Thành A và chị Võ Thị T.

2. Về con chung: Con chung là Nguyễn Thành T, sinh ngày 24/10/2001 đã đủ 18 tuổi trưởng thành. Giao con chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 25/09/2006 cho anh Nguyễn Thành A trực tiếp nuôi dưỡng. anh Nguyễn Thành A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về quan hệ tài sản: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: Anh Nguyễn Thành A phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp nuôi con, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn chị Võ Thị T có nơi cư trú tại xóm B, xã DT, huyện DC, tỉnh Nghệ A, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu - Nghệ A. Nguyên đơn anh Nguyễn Thành A và bị đơn chị Võ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thành A và chị Võ Thị T tổ chức đám cưới với nhau vào ngày 02/11/2000 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Qua xác minh của Tòa án tại UBND xã DT và UBND xã DB xác nhận việc anh Nguyễn Thành A và chị Võ Thị T có chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng kí kết hôn theo quy định và anh A, chị T cũng không có đăng ký kết hôn với ai khác. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Thành A và chị Võ Thị T.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống anh A chị T có 02 con chung là Nguyễn Thành T sinh ngày 24/10/2001 và Nguyễn Thị Như Q sinh ngày 25/09/2006. Hiện nay cháu Nguyễn Thành T đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu về việc nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn Thị Như Q hiện nay đang ở với anh Nguyễn Thành A. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14/08/2019, chị T có

nguyện vọng được nuôi con thứ 2 là Nguyễn Thị Như Q. Xét việc nuôi con là trách nhiệm của cả cha và mẹ, việc anh A và chị T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là chính đáng cần được ghi nhận. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng là nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của con chung và tình cảm cha mẹ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/08/2019, cháu Nguyễn Thị Như Q có nguyện vọng xin được ở với bố. Xét thấy từ trước đến nay cháu vẫn ở với bố là anh A và được nuôi dưỡng, giáo dục tốt, vì vậy cần giao con chung Nguyễn Thị Như Q cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh Nguyễn Thành A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Thành A phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Thành A và chị Võ Thị T.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Thành A và chị Võ Thị T có 02 con chung là Nguyễn Thành T sinh ngày 24/10/2001 và Nguyễn Thị Như Q sinh ngày 25/09/2006. Con chung Nguyễn Thành T đã đủ 18 tuổi trưởng thành. Giao con chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 25/9/2006 cho anh Nguyễn Thành A trực tiếp trông nom chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Thành A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Thành A phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh A đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Châu theo biên lai số AA/2018/4745 ngày 06/8/2019.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Diên Châu;
- THADS;
- Lưu VP, HS;
- UBND xã DT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Trần Thế Kỳ